

115ZV-2

XE XÚC LẬT

Động cơ: Phun trực tiếp, turbo tăng áp, công suất 345 kW (463hp)

Trọng lượng vận hành 48 tấn, dung tích gầu 6.0 - 6.8m³

Khung chính của máy cứng và chắc chắn

Các cụm bộ phận thủy lực bền chắc

Máy hiệu suất cao và đáng tin cậy



P hát huy hiệu suất

Các máy xúc lật mang đến một nguồn công suất tuyệt vời...



Từ hơn nửa thế kỷ trước
trải nghiệm đổi mới...

Bền vững và đáng tin cậy, bạn hoàn toàn có thể tin tưởng...



Xuất phát điểm từ một nhà sản xuất lâu đời máy xúc lật bánh lốp của thế giới, KCM đã thành công trong việc thiết kế và sản xuất dòng xe xúc lật kiểu khớp xoay.

Bạn đang sử dụng một thiết bị là tài sản của hơn nửa thế kỷ thành công trong việc cải tiến.

Công suất và năng suất mà máy xúc lật KCM đem đến là cả kết quả của một quá trình thực nghiệm.

Xe xúc lật KCM được thiết kế với độ bền vững, ít yêu cầu bảo trì bảo dưỡng.

Mạng lưới các đại lý được hỗ trợ bởi các chuyên gia về thiết bị hạng nặng cùng lực lượng nhân viên hỗ trợ từ đội phụ tùng KCM và hệ thống dịch vụ, việc đầu tư của bạn vào xe xúc lật KCM là một sự lựa chọn đúng đắn và chính nó sẽ đem đến cho bạn nguồn lợi trong những năm tới.

P

HÁT HUY CÔNG SUẤT VÀ HIỆU SUẤT MÁY NHẪM MANG ĐẾN TÍNH NĂNG SUẤT CHO THIẾT BỊ



ĐỘNG CƠ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN BẰNG MÁY TÍNH

Module kiểm soát động cơ (ECM) cho phép điều chỉnh công suất động cơ tương thích với các yêu cầu của từng loại ứng dụng.

Nó cũng cung cấp cho người dùng dữ liệu vận hành và các mã lỗi nhằm hỗ trợ cho việc chẩn đoán và xử lý sự cố. Động cơ Cummins hỗ trợ các công cụ chẩn đoán cho phép thợ kỹ thuật xử lý, phân tích các thông tin thiết bị nhanh và chuẩn xác.

Tiêu chuẩn khí thải euro Stage IIIA và EPA Tier III được thỏa mãn thông qua việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến, điều này giúp giữ cho thiết kế thật đơn giản và ít chi phí bảo trì.



Sử dụng nhiên liệu được KCM khuyến cáo để ngăn động cơ bị hỏng. Liên hệ với đơn vị phân phối KCM địa phương để nắm thông tin về các nhiên liệu khuyến cáo.

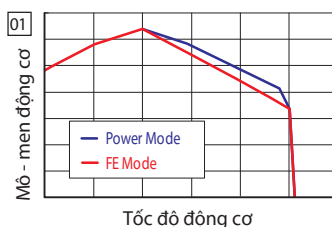
CẢI THIỆN TÍNH NĂNG CỦA LỰC KÉO DI CHUYỂN VÀ TĂNG TỐC

Hệ thống truyền động được thiết kế để tăng hiệu quả vận hành và phạm vi ứng dụng thiết bị. Mô men xoắn được cải thiện và tương thích giữa động cơ cùng bộ biến mô tạo nên sự nổi trội về năng suất máy.

LỰA CHỌN MODE POWER HOẶC TỐI ƯU NHIÊN LIỆU

01

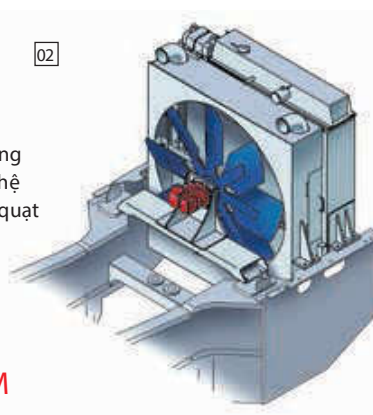
Công tắc chuyển mode động cơ cho phép thợ vận hành lựa chọn chế độ power mode để tối ưu công suất hoặc chế độ sử dụng hiệu quả nhiên liệu, trong hầu hết các ứng dụng yêu cầu chế độ tiết kiệm nhiên liệu.



TÍNH NĂNG KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG QUẠT LÀM MÁT BẰNG THỦY LỰC

02

Tốc độ quạt làm mát, bộ phận được dẫn động bằng thủy lực, được kiểm soát thông qua nhiệt độ của hệ thống làm mát, điều này sẽ giúp giảm độ ồn cho quạt và cải thiện hiệu quả tiêu thụ nhiên liệu.



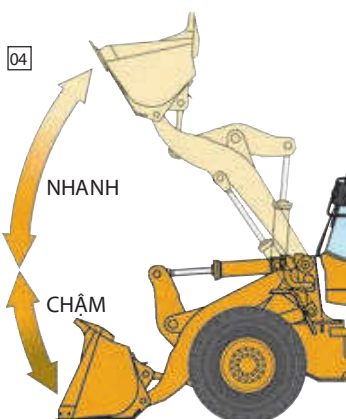
KHỚP NỐI CHỮ Z VÀ HỆ THỐNG KHỚP XOAY VỚI CHỐT ĐỊNH TÂM

Là đơn vị tiên phong với thiết kế khớp nối chữ Z, KCM mang đến một loại thiết bị nổi bật với sức phá hủy vật liệu với các khớp nối đơn giản. Chốt định tâm KCM được thiết kế với bề mặt xù xì và bền chắc, giúp máy hoạt động hàng nghìn giờ mà không có bất kì sự cố nào.



HỆ THỐNG THỦY LỰC GỬI TÍN HIỆU TẢI CHO CÁC ĐƯỜNG TÍN HIỆU LÁI CHUYỂN

Thiết kế hiệu quả của hệ thống thủy lực giúp cho dòng thủy lực điều khiển hệ thống lái cung cấp tín hiệu cân chỉnh giúp đáp ứng các yêu cầu lái chuyển cho máy. Điều này cho phép phát huy toàn bộ khả năng của bơm trong mọi điều kiện nhằm đạt được mục đích vận hành tốt nhất.



HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÔNG TẢI

Hệ thống kiểm soát không tải cho phép máy đạt tốc độ thấp lúc chạy không tải để bảo lưu nhiên liệu. Nó cũng có thể tăng tốc độ chạy không tải và giảm tốc độ quạt làm mát khi động cơ nguội để giảm thời gian làm nóng máy, từ đó tăng hiệu quả sử dụng máy.

KHÓA LI HỢP THỦY LỰC (TỰY CHỌN)

Tựy chọn khóa li hợp của bộ biến mô cung cấp sự hiệu quả về dẫn động khi máy hoạt động ở tốc độ cao. Điều này cải thiện đáng kể tiêu hao nhiên liệu cho các ứng dụng cần kéo, vận chuyển vật liệu trong khoảng thời gian dài, đồng thời cải thiện khả năng làm việc của máy khi phải leo dốc.

KÍCH HOẠT KIỂM SOÁT DI CHUYỂN

Kiểm soát lực kéo giúp giảm hiện tượng trượt bằng cách tự động giảm tốc độ động cơ khi bánh xe có dấu hiệu xoay.

PHANH ĐĨA ƯỚT LẤP PHÍA NGOÀI

03

Phanh đĩa ướt cung cấp khả năng phanh tốt hơn và bảo vệ khỏi các nhiễm bẩn. Hệ thống 2 mạch thủy lực cho cấu trúc và sau độc lập được đưa vào để tăng tính an toàn.



ELS (Hệ thống tải vật liệu hiệu quả)

04

Tăng công suất kéo vành và làm chậm lại di chuyển của gầu khi đào để giảm tiêu hao nhiên liệu. Tăng năng suất và hiệu quả sử dụng nhiên liệu. Mở bảng điều khiển có thể cho phép thợ vận hành điều khiển từ cabin.

BỀN CHẮC và ĐÁNG TIN CẬY

TAY NÂNG / GẦU [01]

Với trục nâng gầu và các mối nối chắc khỏe, máy xúc lật KCM hoạt động tốt trong nhiều ứng dụng đa dạng.

Lực xúc lớn và nâng gầu trở lên một cách tuyệt vời chứng tỏ máy có thể làm việc với tải lớn và giữ được một lượng vật liệu lớn trên gầu.

Gầu được thiết kế để dễ vận chuyển và được trang bị các tấm vát mép gắn bằng bu lông cho phép việc thay thế nhanh.

Cảm biến vị trí cho gầu là tiêu chuẩn.



ẮC BẢN LỀ CỦA GẦU ĐƯỢC LÀM KÍN [02]

Việc làm kín ắc của gầu tạo nên sự duy trì độ trơn và kín của ắc, từ đó giúp gia tăng tuổi thọ của ắc.



CÁC KHOẢNG THỜI GIAN BÔI TRƠN ĐƯỢC GIA TĂNG CHO CÁC KHỚP NỐI PHỔ THÔNG [03]

Các khớp nối phổ thông đã được làm kín chỉ yêu cầu bôi mỡ mỗi 12000 giờ. Điều này giúp giảm một lượng lớn chi phí bảo trì và tạo nên độ bền tuyệt vời hơn cho máy.



PHANH ĐỔ DẠNG ĐĨA ỨỚT

Phanh đổ dạng đĩa ướ với khả năng làm việc cho phép đạt được lực phanh đáp ứng được mọi yêu cầu sử dụng.

KHUNG MÁY DẠNG LIỀN KHỐI [04]

Khung xe dạng nguyên khối của thiết bị này là bộ khung khỏe nhất trong dòng thiết bị và khả năng kháng lại tải gây xoắn tốt hơn so với khung loại ghép từ các tấm.

KCM CHẾ TẠO CÁC VAN THỦY LỰC

Là nhà sản xuất hàng đầu về các cụm bộ phận thủy lực, KCM cung cấp các loại van điều khiển với chất lượng cao nhằm tạo nên tính năng vận hành chính xác cho máy.

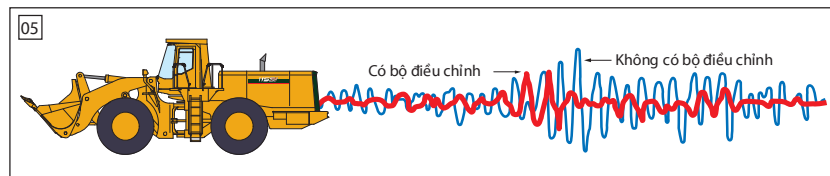
Việc điều khiển thông qua áp kích thích giúp cho phép vận hành thông qua các ngón tay.

BỘ ĐIỀU CHỈNH FEATURE (Tùy chọn) [05]

Bộ kiểm soát di chuyển cung cấp tính êm dịu, cải thiện khả năng giữ tải trong lúc di chuyển, đồng thời giúp tăng tốc độ di chuyển.

VÒNG PHỐT CHO CÁC XI LANH THỦY LỰC

Các xi lanh thủy lực sử dụng vòng phốt giúp gia tăng độ kín và giảm thiểu rò rỉ.



DỄ DÀNG TRUY CẬP BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG ĐƠN GIẢN



DỄ DÀNG TRUY CẬP BẢO TRÌ ĐƠN GIẢN

Công tác bảo trì thiết bị được cải tiến với các cửa truy cập vào cụm động cơ có thể mở rộng để tăng khả năng tiếp cận. Các phin lọc được lắp dễ thay và các đầu nối bôi mỡ được bố trí thành cụm để giảm thời gian cho việc bảo trì, đồng thời đảm bảo luôn bôi trơn theo khuyến cáo.



CÁC ĐÈN LÀM VIỆC HALOGEN

Các đèn làm việc trước và sau sáng, là loại đèn halogen nhằm cải thiện tính an toàn và tầm nhìn.

CÁC ĐÈN PHÍA SAU (TÙY CHỌN)

Các đèn LED tuổi thọ cao sẵn có như một tùy chọn cho đèn ở sau đuôi xe. Những đèn này rất sáng và bền.

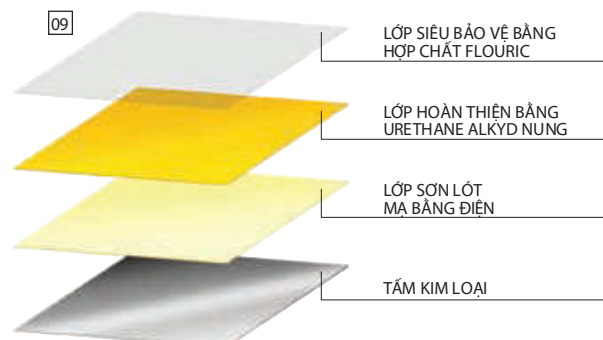


CÁC GIẮC KẾT NỐI DT

Các giắc nối điện Deutsch DT được sử dụng trên toàn bộ hệ thống điện của thiết bị giúp chịu tác động mài mòn và cung cấp sự kết nối về điện tốt.

SƠN CHẤT LƯỢNG CAO CHO CÁC TẦM CHẮN TRÊN XE

Công tác xử lý sơn tinh vi của KCM sử dụng lớp sơn lót ED (mạ bằng điện), một lớp hoàn thiện bằng Urethane Alkyd cũng như một lớp siêu bảo vệ bằng hợp chất Flouric tạo cho sản phẩm tính bền vững và thu hút.



C Thiết kế tiện nghi abin



CABIN

Tầm quan sát tuyệt vời khắp mọi hướng được tăng cường nhờ vào các gương phía trong và phía ngoài của cabin.

Thanh gạt nước phía trước được lắp khít vào kính qua các đệm cao su, điều này giúp cho việc thay thế gạt nước nhanh và dễ dàng.

Cabin được lắp giúp giảm ồn và rung.

ROPS / FOPS 01

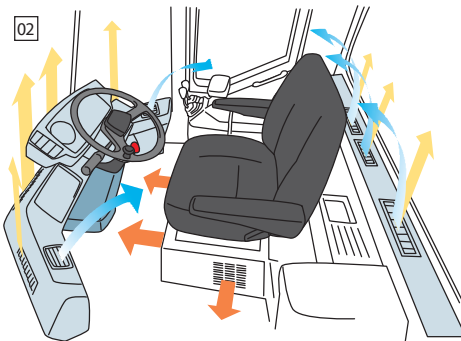
Cabin được chứng nhận đáp ứng đầy đủ các quy định về hệ thống ROPS (Cấu trúc chống lật) và FOPS (Cấu trúc bảo vệ chống vật liệu rơi).



BỘ THIẾT BỊ ĐIỀU HÒA VÀ XÔNG NHIỆT TỰ ĐỘNG HOÀN TOÀN 02

Máy điều hòa/Máy xông được kiểm soát ổn định nhiệt cung cấp các điều chỉnh tự động để giữ cho người vận hành luôn thoải mái trong bất kỳ điều kiện môi trường nào. Các lỗ thông hơi cung cấp đủ khí để phân bổ nhiệt độ đồng đều và làm ấm hiệu quả toàn cabin.

Chỉ bằng cách nhấn nút trong cabin, hệ thống kiểm soát nhiệt cabin sẽ giữ cho bụi bẩn di chuyển ra ngoài cabin.

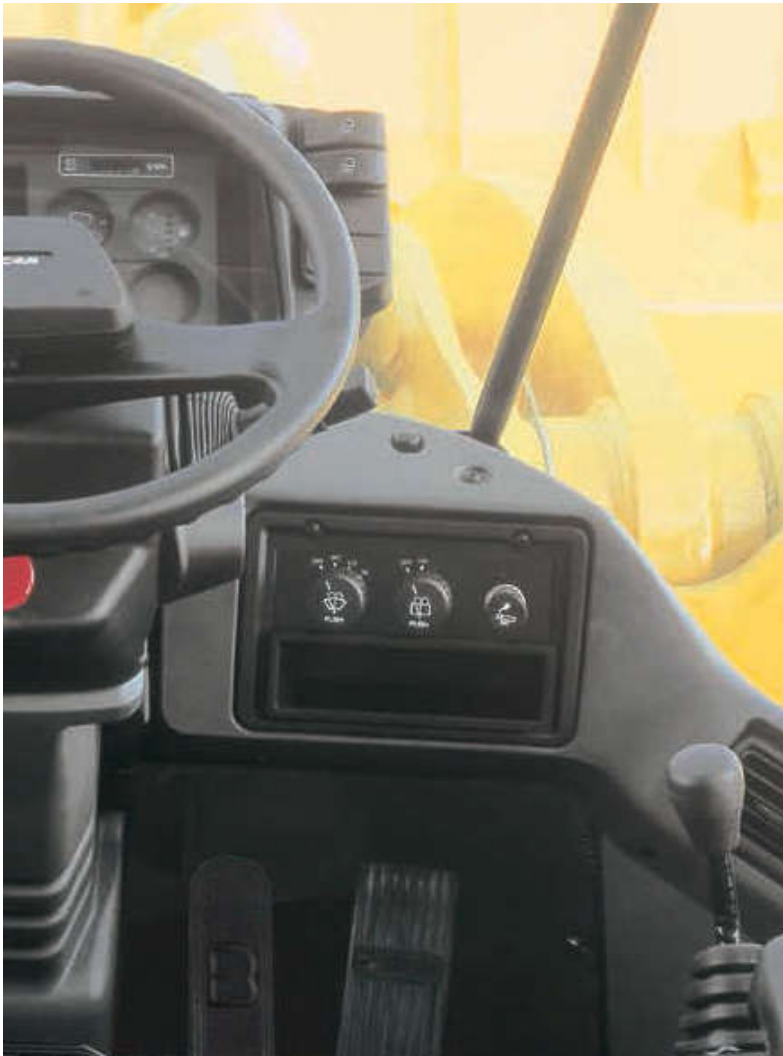


GHẾ NGƯỜI VẬN HÀNH ĐA CHỨC NĂNG ĐIỀU KHIỂN 03

Ghế ngồi lắp lò xo và có thể điều khiển nhằm cung cấp sự tiện nghi tuyệt đối giảm mệt mỏi cho người điều khiển, đồng thời tăng hiệu suất công việc.

Tùy chọn ghế treo khí nén cung cấp thêm cho người vận hành sự thoải mái và có độ tin cậy cao.





MỘT TAY TRANG SANG SỐ

Cần vào số thô ráp với các đường xoắn được lắp thuận tiện trên cụm vô lăng lái.

MODM 04

Module chẩn đoán tình trạng vận hành máy cung cấp các thông tin giúp cho việc vận hành, bảo trì thiết bị và xử lý các sự cố một cách hiệu quả hơn. Với các thông tin này, thợ vận hành, nhân viên kỹ thuật có thể nhanh chóng xác định các dữ liệu hoạt động mẫu chốt của máy.



RADIO (Tùy chọn) AND UTILITY BOXES

Thợ vận hành sẽ cảm thấy tiện lợi nhờ vào trang bị radio, hộc chứa găng tay, hộc để cốc nước và ngăn chứa có thể kiểm soát nóng lạnh.

CÔNG TẮC CHUYỂN HƯỚNG BỔ SUNG THÊM (Tùy chọn) 05

Công tắc chuyển hướng lắp gần tay trang điều khiển cho phép người vận hành dễ dàng thay đổi hướng lái mà không cần rời tay trái của anh ta khỏi vô lăng.



CÁC CÔNG TẮC VÀO SỐ 05

Công tắc gạt vào số đặt ở khu vực cần điều khiển giúp cho việc chuyển từ số 2 sang số 1 dễ dàng và nhanh chóng.

CHỈNH ĐỘ NGHIÊNG VÔ LĂNG LÁI

Việc điều chỉnh độ nghiêng vô lăng lái đến nhiều vị trí khác nhau phù hợp với người vận hành tạo nên tính thuận tiện và thoải mái.

CÔNG TẮC CÀI ĐẶT NGẮT LI HỢP 06

Hệ thống ngắt li hợp có thể điều chỉnh được cho phép thợ vận hành lựa chọn vị trí bàn đạp phanh bên trái nơi kích hoạt ngắt li hợp. Điều này cho phép thợ vận hành điều chỉnh để dễ dàng thích ứng với nhiều điều kiện làm việc.



TÍNH NĂNG ĐỔ VẬT LIỆU ĐƯỢC CÀI TIẾN 06

2 ty giúp đổ vật liệu có thể cài đặt được từ chính cabin vận hành. Chế độ nâng gầu cao dùng để chuyển vật liệu lên xe tải hoặc phễu, trong khi chế độ thấp dùng để cài đặt đưa gầu về lại vị trí đào vật liệu.

CÔNG TẮC KHÓA CẢN SANG SỐ (Tùy chọn)

Công tắc khóa cản sang số cho phép thợ vận hành có thể giữ vị trí số ở thời điểm hiện tại chỉ với một nút thuận tiện được đặt trên cần điều khiển thủy lực khi hộp số ở chế độ tự động.

K-LEVER (Tùy chọn) 07

Tay trang lái K-Lever giúp cho người vận hành khỏi mệt mỏi đồng thời gia tăng hiệu suất làm việc.

Việc lựa chọn vào số được thực hiện chỉ bằng các nút nhấn trên tay trang

K-Lever và việc thay đổi hướng lái được thực hiện tiện lợi bằng tay trang.



115ZV-2 CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Động cơ

Model	Động cơ diesel CUMMINS "QSK19"
Loại	4 thì, làm mát bằng nước, phun trực tiếp, với turbo tăng áp, bộ làm mát khí trong
Công suất định mức	Gross 377 kW(506 hp)/1,800 vòng/phút Net 345 kW(463 hp)/1,800 vòng/phút
Mô - men xoắn tối đa	Gross 2,755 N·m(281 kg ·fm)/1,300 vòng/phút
Số xi lanh	6
(Đ.kính x khoảng chạy)	159 mm X 159 mm
Tổng dung tích	18.87 lít
Loại làm mát	Quạt làm mát dẫn động bằng thủy lực tản nhiệt điều áp
Bơm nạp nhiên liệu	Hệ Thống Cummins Moduie Common Rail
Bộ điều tốc	Loại điện tử, mọi tốc độ
Lọc gió	Loại khô (2 lõi)
Máy phát điện	AC 24V 1.8 kW(75 A)
Mô tơ để khởi động máy	DC 24V 8.3 kW(11.1 hp)
Ắc qui	DC 12V 176 Ah X 2

Hộp số & Bộ biến mô (Ly hợp thủy lực)

Hộp số	KCM, Truyền động hết công suất	
Bộ biến mô	KCM 3 bộ phận, 1 stator, 1 rotor	
Tốc độ di chuyển	Tới	Lùi
	Số 1	7.4 km/h 8.2 km/h
	Số 2	13.5 km/h 14.8 km/h
	Số 3	21.6 km/h 23.6 km/h
	Số 4	36.0 km/h —
Ghi chú Với 35/65(L4)		

Cầu xe và cơ cấu truyền động cuối cùng

Loại	Dẫn động 4 bánh
NSX & Loại	KCM
	Tự do hoàn toàn
Hộp số vi sai	Bánh răng cùi thơm, bộ giảm tốc đơn cấp loại truyền thống
Bánh răng giảm tốc cuối cùng	Lắp phía ngoài Bộ không hành tinh
Góc dao động của cầu sau	±13°
Lốp (tiêu chuẩn)	35/65(L4)

Thay đổi khối lượng

Hạng mục tùy chọn		Trọng lượng vận hành (kg)	Độ chênh lệch tải (kg)			Bề rộng tổng thể (mm) (lớp phía ngoài)	Chiều cao tổng thể (mm)	Chiều dài tổng thể (mm)
			Đi thẳng	Cua 37°	Quay máy tối đa			
Lốp	29.5R29(L5)	-1120	-780	-660	-650	-120	-40	+30
	35/65R33(L4)	±0	±0	±0	±0	±0	±0	±0
	35/65R33(L5)	+550	+380	+310	+310	±0	±0	±0
	29.5-29-28PR(L4)	-1590	-1100	-930	-920	-120	-40	+30
	29.5-29-28PR(L5)	-1120	-780	-660	-650	-120	-20	+10
	35/65-33-24PR(L4)	±0	±0	±0	±0	±0	±0	±0
	35/65-33-24PR(L5)	+680	+490	+410	+410	±0	+25	-35
Đối trọng		+650	+1560	+1330	+1310	—	—	—
Bỏ cabin ROPS		-950	-910	-770	-750	—	-150	—
Bộ phận bảo vệ phía dưới bụng máy		+140	+200	+170	+170	—	—	—

Hệ thống phanh

Phanh chính	Phanh đĩa ướt trên 4 bánh xe Được kiểm soát hoàn toàn bằng thủy lực 2 mạch
Phanh đỗ	Tác động bằng lò xo, mở bằng áp dầu thủy lực lắp ở đường truyền lực phía trước

Hệ thống lái

Loại	Lái qua khung khớp xoay, lái chuyển bằng công suất thủy lực. Vận hành bằng áp điều khiển
Van trợ lái	Orbitroll và loại van ống
Góc lái	40° cho mỗi bên

Hệ thống tải vật liệu

Loại	Nằm phía trước, hệ thống mối nối hình Z	
Chu kì thủy lực	Nâng (tải tối đa)	8.4 giây
	Hạ (gấu trống)	5.0 giây
	Đổ vật liệu	1.7 giây
	Tổng chu kì	15.1 giây






Hệ thống thủy lực

Bơm dầu	Bơm trợ lái	Bánh răng, 418 lít/phút 6.9 MPa(70 kg/cm ²) @ 1,800 v/phút
	Bơm dầu chính	Bánh răng, 231 lít/phút, 6.9 MPa(70 kg/cm ²) @ 1,800 v/phút
	Bơm dầu điều khiển	Bánh răng, 164 lít/phút, 6.9 MPa(70 kg/cm ²) @ 1,800 v/phút
Xy lanh nâng	Loại	Pit tổng tác động 2 chiều
	Đ.Kính x Khoảng chạy	2 x 225 mm Đ.Kính X 1,132 mm Khoảng chạy
Xy lanh nghiêng	Loại	Pit tổng tác động 2 chiều
	Đ.Kính x Khoảng chạy	2 x 190 mm Đ.Kính X 767 mm Khoảng chạy
Xy lanh lái chuyển	Loại	Pit tổng tác động 2 chiều
	Đ.Kính x Khoảng chạy	2 x 110 mm Đ.Kính X 720 mm Khoảng chạy
Áp cài đặt van xả	Van điều khiển	20.6 MPa(210 kg/cm ²)
	Van trợ lái	20.6 MPa(210 kg/cm ²)

Lượng dầu nhớt

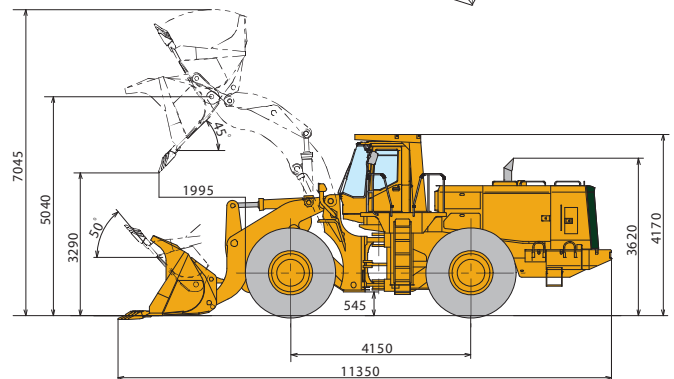
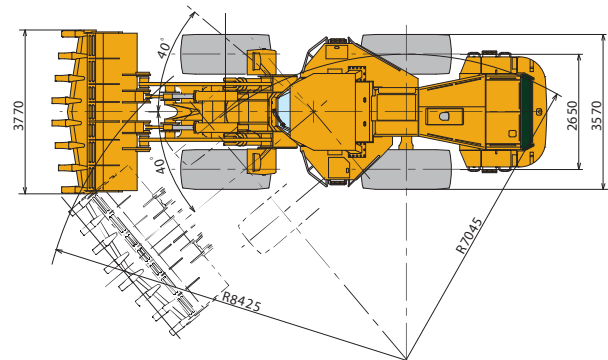
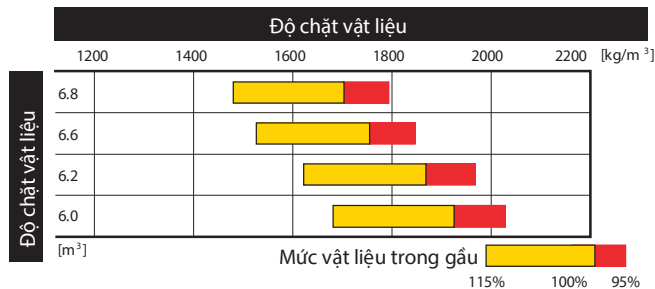
Thùng nhiên liệu	660 lít
Nhớt động cơ (gồm cả dầu ở đáy cacte)	61 lít
Nước làm mát động cơ	155 lít
Hộp số	90 lít
Cầu trước/sau	360 lít
Thùng dầu thủy lực	225 lít
Hệ thống thủy lực (tính cả thùng dầu)	475 lít

Gầu

			Tay nâng gầu tiêu chuẩn				
			Đá vát mép chữ V	Đá vát mép đứng	Mục đích chung		
			Gắn bằng răng	Gắn bằng răng	Gắn bằng răng	Tám mép (bu lông)	Tám mép (bu lông)
			RVT	RST	GST	GSC	
							
Dung tích gầu	Vật liệu chất đống	m ³	6,2	6,0	6,6	6,8	10,0
	Vật liệu ngang mặt	m ³	5,5	5,3	5,7	5,9	8,9
Khoảng sáng tối đa khi nâng gầu (đầy tải)		mm	3,290	3,450	3,330	3,565	3,335
Khoảng tiếp cận tối đa khi nâng gầu (có tải)		mm	1,995	1,830	1,930	1,760	2,015
Chiều cao tối đa của ắc cốt ty nâng gầu		mm	5,040				
Chiều sâu đào (theo độ sâu gầu xúc)		mm	180	180	190	150	130
Lực xúc đất		kN	377	449	401	376	311
Góc nghiêng gầu ra sau	khi di chuyển	deg	50°				
Chiều dài tổng thể		mm	11,350	11,120	11,300	11,010	11,335
Chiều cao tổng thể	Đến đỉnh cabin	mm	4,170				
	Nâng gầu tối đa	mm	7,045	7,045	6,910	6,910	7,185
Chiều rộng tổng thể	Tính ở mép ngoài lớp	mm	3,570				
	Tính ở mép ngoài gầu	mm	3,770	3,770	3,770	3,770	4,100
Khoảng cách 2 tâm lớp trái và phải		mm	2,650				
Chiều dài cơ sở		mm	4,150				
Bán kính quay vòng tối thiểu (di chuyển có mang gầu)	từ mép ngoài gầu	mm	8,425	8,425	8,480	8,400	8,635
	Tính từ tâm lớp ngoài	mm	7,045				
Khoảng sáng gầm tối thiểu		mm	545				
Góc khớp xoay tối đa		deg	40°				
Trọng lượng vận hành	với cabin ROPS	kg	45,960	45,750	45,130	45,160	45,790
	vị trí máy thẳng	kg	29,530	29,920	30,310	30,130	29,010
	xoay 37°	kg	25,210	25,540	25,870	25,720	24,770
Tải trọng không tải lúc đổ vật liệu		kg	24,740	25,060	25,380	25,230	24,300

Trọng lượng và số liệu bao gồm lớp loại 35/65(L4), ROPS cab, chất bôi trơn, nước làm mát, thùng nhiên liệu đầy và thợ vận hành (75kg).

Biểu đồ lựa chọn loại gầu xúc



Trang bị với gầu xúc GST, lốp đặc 35/65(L4) và cabin ROPS.

Lưu ý

- * Các loại vật liệu và đặc tính kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước và có thể sẽ không tuân theo sự thay đổi của đơn vị sản xuất phụ tùng dùng trên thiết bị.
- * Thông tin này, mặc dù hoàn toàn đáng tin cậy song nó không có nghĩa để xem xét như minh chứng hợp pháp cho việc yêu cầu bảo hành.
- * Khoảng sáng và khoảng tiếp cận khi gầu mang tải được xác định từ mép của gầu xúc theo tiêu chuẩn SAE J732C.
- * Màu cho các model trong tập giới thiệu này theo tiêu chuẩn của KCM là màu vàng.
- * Đối trọng (tùy chọn) không nên sử dụng khi máy là bánh lốp chứa phụ gia bên trong.
- * Bảng đặc tính kỹ thuật này có thể chứa cả đính kèm và trang bị tùy chọn mà không sử dụng ở thị trường của bạn. Vui lòng liên hệ với các đại lý KCM địa phương để chọn các hạng mục tùy chọn mà bạn mong muốn.

TRANG BỊ TIÊU CHUẨN

*Các đặc tính tiêu chuẩn rất đa dạng. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ với các đại lý KCM địa phương.

Tay nâng/Gầu kiểm soát hai cấp độ

Điện

Máy phát 75 A

Tín hiệu di chuyển lùi máy

Phanh và đèn sau đuôi xe

Bộ đề bằng điện

Các đèn làm việc Halogen và chùm tín hiệu dưới, trên (trước)

Đèn làm việc Halogen (2 phía trước và 2 phía sau)

Các tín hiệu khi xoay máy với đèn nháy 4 cấp

Đồng hồ đo và các chỉ báo

Đèn cảnh báo cho bộ lọc gió

Đèn cảnh báo cho chế độ di chuyển tự động

Đèn nạp bình ắc quy

Đèn cảnh báo áp suất phanh

Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát và đèn cảnh báo

Đèn cảnh báo áp lực nhớt động cơ

Đồng hồ đo mức nhiên liệu

Đèn chỉ báo tín hiệu cao

Đồng hồ đo thời gian làm việc

Đèn chỉ báo tầm trung

Đèn chỉ báo phanh đỗ

Công tơ mét

Đồng hồ nhiệt độ nhớt bộ biến mô và

đèn cảnh báo

Đèn cảnh báo kiểm soát bộ phận truyền động

Đèn ngắt ly hợp truyền động

Bộ giám sát tình trạng hộp số

Đèn chỉ báo làm việc

Khu vực vận hành

Ghế ngồi điều chỉnh được, lắp trên lò xo

Gạt tàn thuốc

Hốc đặt cốc nước uống

2 tay trang điều khiển gầu và ty nâng

2 mạch điện cho còi

Công tắc gạt sang số

Vỏ lồng lái nghiêng được

Hệ thống truyền lực

Kiểm soát lực kéo chủ động

Loại làm sạch tự động nhờ vào lọc sơ cấp

Động cơ diesel Cummins QSK19

Phanh nhiều đĩa loại ướt (trong nhớt thủy lực)

Quạt tản nhiệt cho động cơ, vận hành bằng thủy lực

Hộp số tự động KCM

Các trục của KCM, vi sai phân bố mô-men xoắn (trước /sau)

Ly hợp thủy lực KCM

Trục dẫn động ít cần bảo trì

Lốp, 35/65 (L4) loại đặc

Khác

Cảm biến vị trí cho gầu

Chốt móc kéo

Tay vịn

Thiết bị hỗ trợ đổ vật liệu khỏi gầu

Thang, trái và phải

Mối nối vận chuyển dạng chữ Z với 1 xi lanh đơn

Phanh đỗ nhiều đĩa loại ướt

Phanh phụ

TRANG BỊ TÙY CHỌN

Cung cấp thêm đối trọng

Bổ sung công tắc chuyển hướng Trước - Sau

Bổ sung 2 đèn làm việc phía sau

Đặc tính chống ăn mòn

Điều hòa tự động

Bộ phận bảo vệ dưới bụng máy

Lái chuyển khẩn cấp

Thành bảo vệ trước/sau

Tay nâng gầu lên cao

Hệ thống xử lý nhựa nóng

Mạch thủy lực cho các chốt lắp ghép nhanh

Hệ thống 3 van thủy lực dạng thanh trượt

K-Lever (hệ thống kiểm soát trực lái)

Đèn LED phía sau

Khóa bộ biến mô

Nhật ký theo dõi lượng sử máy

Chấn bần

Cụm giảm tiếng ồn động cơ (110dB(A))

Lọc sơ cấp

Bộ lắp ghép nhanh

Radio

Kiểm soát di chuyển (cảm biến tốc độ)

Các loại lốp và gầu xúc tùy chọn

Công tắc khóa cần sang số

Tay nâng gầu gấp

Bộ thiết bị bảo vệ chống các tác động phá hoại

Bộ xử lý chất thải

Bộ tản nhiệt với cánh quạt rộng

115ZV-2



KCM Corporation

<https://kcmcorp.co.jp>

C11561EX02 Dec. '16® Printed in Japan

